TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1544/2017/QĐHNGĐ-ST	*Gò Vấp, ngày 21 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1447/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa:

Ông Trần Văn H, sinh năm: 1965
Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm: 1964
Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết L.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 111, quyển số: 01/88 ngày 10/11/1988 của Ủy ban nhân dân Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

-Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Thúy H, sinh ngày: 24/01/1985 và Trần Quốc D, sinh ngày: 20/5/1994 (Tất cả đã trưởng thành).

-Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

-Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông H và bà L chịu, cấn trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số: AA/2017/0027798 ngày 01/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, ông H và bà L đã nộp đủ lệ phí.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường